



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ  
KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**  
**(Đã được kiểm toán)**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2018	13 - 27

\*\*\*\*\*

# CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình là công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thành lập theo Quyết định số 19/QĐ/UB ngày 01 tháng 10 năm 1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH số 2904000079, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 6 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp, thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 6 năm 2017 với mã số doanh nghiệp 3100135165.

#### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 08B Hương Giang, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình
- Điện thoại : 02323 822 378
- Fax : 02323 823 332

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Hoạt động xổ số. Chi tiết: Hoạt động xổ số kiến thiết;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ nhà khách;
- Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa.

### **Chủ tịch và Ban điều hành, quản lý**

Chủ tịch và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Chủ tịch và Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Lê Trọng Huấn	Chủ tịch kiêm Giám đốc	Ngày 01 tháng 11 năm 2013
Ông Phùng Văn Hưng	Phó Giám đốc	Ngày 01 tháng 10 năm 2014
Ông Hoàng Minh Tuấn	Phó Giám đốc	Ngày 01 tháng 10 năm 2014
Ông Nguyễn Quốc Sự	Phó Giám đốc	Ngày 06 tháng 02 năm 2017
Ông Lê Anh Tiến	Kế toán trưởng	Ngày 01 tháng 10 năm 2014

### **Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên của Công ty là Bà Phạm Thị Nhật Lam.

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Trọng Huấn.

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán ASCO đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và chế độ kế toán đặc thù áp dụng với Công ty xổ số kiến thiết ban hành kèm theo Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 08 năm 2009 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

**Giám đốc**



Lê Trọng Huấn

Ngày 02 tháng 3 năm 2019



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ASCO

A : Tòa nhà ASCO, Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

T : 0243 793 0960 - F: 0243 793 1349 - E: asco@asco.vn - W: www.asco.vn

Số: 19/2019/ASCO/BCKT-NV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### **Kính gửi: UBND TỈNH QUẢNG BÌNH, CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Xổ số Kiến thiết Quảng Bình, được lập ngày 02 tháng 3 năm 2019, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và chế độ kế toán đặc thù áp dụng với Công ty xổ số kiến thiết ban hành kèm theo Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 08 năm 2009 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Xổ số Kiến thiết Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và chế độ kế toán đặc thù áp dụng với Công ty xổ số kiến thiết ban hành kèm theo Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 08 năm 2009 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Các vấn đề khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 ngày 21 tháng 6 năm 2017, số vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VND, số vốn thực góp đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 24.504.209.913 VND. Số vốn điều lệ góp thiểu là 5.495.790.087 VND.

### Công ty TNHH Kiểm toán ASCO

#### Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuyền

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1629-2018-149-1

#### Kiểm toán viên

Hoàng Anh Tú

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4413-2018-149-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 3 năm 2019

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**

Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>48.404.334.754</b>	<b>56.970.904.726</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>19.848.183.580</b>	<b>28.893.831.263</b>
1. Tiền	111		1.293.487.302	889.956.263
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.554.696.278	28.003.875.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>23.837.343.231</b>	<b>26.163.560.276</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	18.988.935.885	16.887.250.005
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	50.600.000	20.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.806.423.846	9.264.926.771
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.616.500)	(8.616.500)
8. Tài sản thiêu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.195.495.174</b>	<b>1.180.552.323</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.195.495.174	1.180.552.323
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.523.312.769</b>	<b>732.960.864</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	3.523.312.769	732.960.864
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

# CÔNG TY TNHH MTV XỔ SÓ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.007.453.448</b>	<b>8.796.524.906</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.748.801.602</b>	<b>5.438.211.784</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	4.748.801.602	5.438.211.784
<i>Nguyên giá</i>	222		14.854.727.023	14.455.645.205
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.105.925.421)	(9.017.433.421)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>3.101.983.846</b>	<b>3.021.877.451</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.627.523.196	3.627.523.196
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(525.539.350)	(605.645.745)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>156.668.000</b>	<b>336.435.671</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	156.668.000	336.435.671
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>56.411.788.202</b>	<b>65.767.429.632</b>

# CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.972.563.268</b>	<b>39.093.833.521</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.083.513.268</b>	<b>38.251.783.521</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	739.337.682	1.303.678.115
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	3.224.824.211	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	9.065.482.869	8.575.793.620
4. Phải trả người lao động	314		3.067.886.153	3.176.654.040
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	12.272.727	240.230.727
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13a	393.103.909	335.737.097
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	2.000.253.034	5.854.659.999
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15	6.963.308.304	16.525.180.798
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	2.617.044.379	2.239.849.125
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>889.050.000</b>	<b>842.050.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	889.050.000	842.050.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**

Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>27.439.224.934</b>	<b>26.673.596.111</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>26.673.596.111</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	27.439.224.934	24.504.209.913
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	2.935.015.021	2.169.386.198
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	-	-
1. Nguồn kinh phí	431	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>56.411.788.202</b>	<b>65.767.429.632</b>

Lập biểu

Lê Phương Liên

Kế toán trưởng

Lê Anh Tiến

Quảng Bình, ngày 02 tháng 3 năm 2019

Giám đốc



Lê Trọng Huấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2018**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	178.490.657.943	154.809.031.741
1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		175.964.528.183	152.526.120.909
1.1.1. Xổ số truyền thống	01.1.1		160.644.736.364	135.329.790.909
1.1.2. Xổ số cào	01.1.2		6.272.847.272	6.704.812.726
1.1.3. Xổ số bốc	01.1.3		5.319.767.276	6.952.503.638
1.1.4. Xổ số lô tô	01.1.4		3.727.177.271	3.539.013.636
1.2. Doanh thu kinh doanh khác	01.2		2.526.129.760	2.282.910.832
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	22.963.396.962	19.913.731.193
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		155.527.260.981	134.895.300.548
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	124.482.835.043	102.354.536.301
4.1. Chi phí kinh doanh xổ số			124.482.835.043	102.354.536.301
4.1.1. Chi phí trả thường			88.730.292.806	70.804.998.146
4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số			35.752.542.237	31.549.538.155
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.044.425.938	32.540.764.247
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.385.690.953	1.238.130.680
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	38.972.775	30.162.910
Trong đó: chi phí lãi vay	23		38.972.775	30.162.910
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	1.651.093.250	1.409.010.400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	29.772.073.183	29.978.922.015
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		967.977.683	2.360.799.602
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.236.666.413	544.875.255
12. Chi phí khác	32		-	230.000
13. Lợi nhuận khác	40		2.236.666.413	544.645.255
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.204.644.096	2.905.444.857
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		638.024.019	581.088.971
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.566.620.077</u>	<u>2.324.355.886</u>

Lập biểu

Lê Phương Tiến

Kế toán trưởng

Lê Anh Tiên

Quảng Bình, ngày 02 tháng 3 năm 2019

Giám đốc



Lê Trọng Huân

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**

Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>3.204.644.096</b>	<b>2.905.444.857</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.088.492.000	1.002.372.519
- Các khoản dự phòng	03	(80.106.395)	4.785.018.163
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.385.690.953)	(1.238.130.680)
- Chi phí lãi vay	06	38.972.775	30.162.910
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>2.866.311.523</b>	<b>7.484.867.769</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.326.217.045	(5.502.953.189)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(14.942.851)	(81.256.842)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(6.949.517.590)	(2.080.487.161)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.610.584.234)	244.875.338
- Tiền lãi vay đã trả	13	(38.972.775)	(30.162.910)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(394.088.971)	(729.062.686)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	209.930.000	413.895.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.572.202.000)	(1.900.180.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(6.177.849.853)</b>	<b>(2.180.464.681)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(399.081.818)	(861.995.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.385.690.953	1.238.130.680
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>986.609.135</b>	<b>376.134.771</b>

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**

Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

**CHỈ TIÊU**

**Mã Thuyết  
số minh**

**Năm nay**

**Năm trước**

**III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	36.624.505.965	24.125.202.116
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(40.478.912.930)	(18.270.542.117)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-

**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** **40** **(3.854.406.965)** **5.854.659.999**

**Lưu chuyển tiền thuần trong năm** **50** **(9.045.647.683)** **4.050.330.089**

**Tiền và tương đương tiền đầu năm** **60** **V.1** **28.893.831.263** **24.843.501.174**

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ **61** -

**Tiền và tương đương tiền cuối năm** **70** **V.1** **19.848.183.580** **28.893.831.263**

Lập biểu

Lê Phương Tiến

Kế toán trưởng

Lê Anh Tiên

Quảng Bình, ngày 02 tháng 3 năm 2019



Lê Trọng Huấn

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh:** Kinh doanh xổ số và dịch vụ
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**  
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### *Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ Phần Bao bì Phong Nha, có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới, phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất bao bì carton, kinh doanh vận chuyển bốc xếp hàng hóa bằng đường bộ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51,73%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 90 nhân viên đang làm việc (Số tại ngày đầu năm là 80 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và chế độ kế toán đặc thù áp dụng với Công ty xổ số kiến thiết ban hành kèm theo Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 08 năm 2009 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và chế độ kế toán đặc thù áp dụng với Công ty xổ số kiến thiết ban hành kèm theo Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**3. Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư vào công ty con**

*Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cỗ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tồn thắt cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tồn thắt là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thắt đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

# CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Định, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào **tuổi** nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Vé xổ số, công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí sau:

### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

## 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 24
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 7

## 8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

### Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các **hợp đồng hợp tác kinh doanh** dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

## 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 10. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Công ty trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng theo hướng dẫn tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về “Quy định một số đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số”.

Theo hướng dẫn tại Nghị định này, Công ty được xét trích lập dự phòng trả thưởng đối với các loại hình sản phẩm xổ số truyền thống, xổ số lô tô, xổ số cào và xổ số bóc. Nếu trong kỳ trích lập, tỷ lệ trả thưởng thực tế của Công ty nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng **xây dựng** (đối với xổ số truyền thống là 50%, xổ số cào và bóc là 55%) hoặc tỷ lệ trả thưởng **kế hoạch** (đối với xổ số lô tô là 60%).

Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định theo công thức:

$$\text{Dự phòng rủi ro trả thưởng} = \frac{\text{Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập}}{X} \times \frac{\text{Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số}}{\text{Tỷ lệ trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp.}}$$

# CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH

Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập và doanh nghiệp không bị lỗ.

Công ty sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác

### 11. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo **số vốn** thực tế **đã** góp của chủ sở hữu.

### 12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hoạt động kinh doanh xổ số*

Doanh thu được ghi nhận theo Điều 9 Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng về “Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số”.

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số: Là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ từ các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật **đã** được xác định là tiêu thụ trong kỳ. Do đó, doanh thu của 02 kỳ vé xổ số truyền thống của mỗi năm vào thời điểm cuối năm và được kiểm đếm qua các bước vào đầu năm sau nên Công ty không **đủ** điều kiện ghi nhận doanh thu vào trong năm. Vì vậy, doanh thu trong năm bao gồm doanh thu của vé xổ số truyền thống kỳ 51 và 52 của năm trước, còn doanh thu của vé xổ số truyền thống kỳ 51 và 52 của năm nay sẽ được ghi nhận sang năm sau.

Doanh thu bán vé xổ số được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty **đã** chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua **được** quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, **đã** mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty **đã** hoặc sẽ thu được lợi ích kinh **tế** từ giao dịch **bán** hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua **được** quyền trả lại dịch vụ **đã** mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận **khi** những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ **đã** cung cấp.
- Công ty **đã** hoặc sẽ thu được lợi ích kinh **tế** từ giao dịch **cung cấp** dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc **đã** hoàn thành vào thời **diễn** báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí **để** hoàn thành giao dịch **cung cấp** dịch vụ đó.

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**  
Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

**14. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành - khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.073.734.533	600.539.650
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	219.752.769	289.416.613
Các khoản tương đương tiền	18.554.696.278	28.003.875.000
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>	<u>18.554.696.278</u>	<u>28.003.875.000</u>
<b>Cộng</b>	<b>19.848.183.580</b>	<b>28.893.831.263</b>

Khoản tương đương tiền có giá trị 3.000.000.000 VND được dùng làm tài sản cầm cố cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng (*Thuyết minh V.14*)

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>3.627.523.196</b>	<b>525.539.350</b>	<b>3.627.523.196</b>	<b>605.645.745</b>
Công ty Cổ phần Bao bì Phong Nha	3.627.523.196	525.539.350	3.627.523.196	605.645.745
<b>Cộng</b>	<b>3.627.523.196</b>	<b>525.539.350</b>	<b>3.627.523.196</b>	<b>605.645.745</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100426284 ngày 25 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Phong Nha 2.690.000.000 VND, tương đương 44,83% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 3.627.523.196 VND, tương đương 51,73% vốn điều lệ (số đầu năm là 3.627.523.196 VND, tương đương 51,73% vốn điều lệ). Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.

#### Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty Cổ phần Bao bì Phong Nha đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### Dự phòng cho khoản đầu tư vào công ty con

Tình hình biến động dự phòng khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	605.645.745	675.264.084
Hoàn nhập dự phòng	(80.106.395)	(69.618.339)
<b>Số cuối năm</b>	<b>525.539.350</b>	<b>605.645.745</b>

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**  
 Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Đình, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Trung Hiếu Khánh Hòa	2.862.785.248	2.377.035.748
Công ty TNHH Vé số Trực Huệ	1.609.221.500	1.515.757.500
Công ty TNHH Đại lý xổ số Khánh Hòa	1.473.066.994	1.271.310.994
Doanh nghiệp tư nhân Đỗ Oanh	1.283.451.000	1.080.707.500
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Trí Thủy	1.279.555.990	1.059.643.990
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Thanh Hân	1.149.804.878	924.232.378
Công ty TNHH Đại lý xổ số Vân Sơn	1.096.372.559	878.594.059
Các khách hàng khác	8.234.677.716	7.779.967.836
<b>Cộng</b>	<b>18.988.935.885</b>	<b>16.887.250.005</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đại Hàn Việt Nam	37.600.000	-
Công ty TNHH Kiến trúc One More	13.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Quảng Bình	-	20.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.600.000</b>	<b>20.000.000</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.731.175.831</b>	-	<b>2.991.221.720</b>	-
Công ty Cổ phần Bao bì Phong Nha	2.731.175.831	-	2.991.221.720	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>531.581.682</b>	-	<b>508.005.227</b>	-
Trần Thị Hạnh	425.955.001	-	296.795.000	-
Công ty TNHH Giấy Hưng Thịnh	-	-	97.629.000	-
Các đối tượng khác	105.626.681	-	113.581.227	-
Tạm ứng	1.543.666.333	-	5.765.699.824	-
<b>Cộng</b>	<b>4.806.423.846</b>	-	<b>9.264.926.771</b>	-

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vé xổ số các loại	757.673.937	760.595.109
Công cụ, dụng cụ	339.366.964	346.777.307
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	98.454.273	73.179.907
<b>Cộng</b>	<b>1.195.495.174</b>	<b>1.180.552.323</b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**

**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	524.488.799	596.552.891
Chi phí phát hành	427.944.470	63.389.373
Chi phí trả thưởng	2.570.879.500	73.018.600
<b>Cộng</b>	<b>3.523.312.769</b>	<b>732.960.864</b>

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**  
 Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Định, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công cụ, dụng cụ	156.668.000	336.435.671
<b>Cộng</b>	<b>156.668.000</b>	<b>336.435.671</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đasn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	7.823.040.131	202.821.455	5.930.854.181	498.929.438	14.455.645.205
Tăng trong năm	-	399.081.818	-	-	399.081.818
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.823.040.131</b>	<b>601.903.273</b>	<b>5.930.854.181</b>	<b>498.929.438</b>	<b>14.854.727.023</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.821.704.818	202.821.455	2.036.725.000	271.415.348	4.332.666.621
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	4.928.746.618	202.821.455	3.561.305.000	324.560.348	9.017.433.421
Khấu hao trong năm	379.416.000	19.292.000	613.944.000	75.840.000	1.088.492.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.308.162.618</b>	<b>222.113.455</b>	<b>4.175.249.000</b>	<b>400.400.348</b>	<b>10.105.925.421</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	2.894.293.513	-	2.369.549.181	174.369.090	5.438.211.784
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.514.877.513</b>	<b>379.789.818</b>	<b>1.755.605.181</b>	<b>98.529.090</b>	<b>4.748.801.602</b>

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Cổ phần In Quảng Bình	363.116.886	626.087.601
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	166.800.000	314.979.357
Trung tâm điều trị theo yêu cầu và Quốc tế	100.968.000	-
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Phú Thịnh	-	122.740.000
Các nhà cung cấp khác	108.452.796	239.871.157
<b>Cộng</b>	<b>739.337.682</b>	<b>1.303.678.115</b>

**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Trần Thị Khánh Vân	1.843.627.700	-
Nguyễn Hữu Quảng	450.722.400	-
Trần Thị Thảo	274.691.400	-
Các khách hàng khác	655.782.711	-
<b>Cộng</b>	<b>3.224.824.211</b>	<b>-</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT đầu ra	3.206.901.328	16.282.928.290	(16.078.000.000)	3.411.829.618
Thuế tiêu thụ đặc biệt	4.473.211.375	22.951.894.985	(22.727.725.297)	4.697.381.063
Thuế thu nhập doanh nghiệp	224.088.971	638.024.019	(394.088.971)	468.024.019
Thuế thu nhập cá nhân	671.591.946	5.926.639.601	(6.109.983.378)	488.248.169
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	245.197.260	(245.197.260)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>8.575.793.620</b>	<b>46.047.684.155</b>	<b>(45.557.994.906)</b>	<b>9.065.482.869</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh xổ số với thuế suất 15%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.204.644.096	2.905.444.857
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(14.524.000)	-
Thu nhập tính thuế	3.190.120.096	2.905.444.857
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>638.024.019</b>	<b>581.088.971</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**  
 Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Định, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí trả thường	-	222.958.000
Trích trước chi phí kiểm toán	12.272.727	17.272.727
<b>Cộng</b>	<b>12.272.727</b>	<b>240.230.727</b>

**13. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**

**13a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các Công ty Xổ số Kiến thiết	262.055.000	167.832.500
Chi phí khoán cho các văn phòng	18.854.614	59.737.602
Các khoản phải trả khác	112.194.295	108.166.995
<b>Cộng</b>	<b>393.103.909</b>	<b>335.737.097</b>

**13b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	889.050.000	842.050.000
<b>Cộng</b>	<b>889.050.000</b>	<b>842.050.000</b>

**14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>2.000.253.034</b>	<b>2.000.253.034</b>	<b>5.854.659.999</b>	<b>5.854.659.999</b>
Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình <sup>(i)</sup>	2.000.253.034	2.000.253.034	5.854.659.999	5.854.659.999
<b>Cộng</b>	<b>2.000.253.034</b>	<b>2.000.253.034</b>	<b>5.854.659.999</b>	<b>5.854.659.999</b>

<sup>(i)</sup> Hợp đồng tín dụng số 01/2017/525893/HĐTD ngày 27/12/2017 với số tiền vay là: 3.970.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tạm ứng trả thường đại lý + 02 vé đặc biệt + 08 giải phụ QB 51 mở thường ngày 21/12/2017. Thời hạn vay là 02 tháng với mức lãi suất 8,05%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2017/525893/HĐBD ngày 27/12/2017 được ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình và Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình.

Hợp đồng thấu chi số 01/2018/HĐ ngày 30/01/2018 với giá trị hạn mức thấu chi là: 2.900.000.000 đồng. Mục đích vay để bù đắp thiếu hụt thanh toán tạm thời của bên vay do không cân đối dòng tiền thanh toán hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh theo tính mùa vụ. Thời hạn vay tối đa là 12 tháng với mức lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân bằng VNĐ kỳ hạn 06 tháng trả lãi sau của Ngân hàng cộng phí 2,5%/năm, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 8%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng 03 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 3.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình.

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**  
 Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Định, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -				
Chi nhánh Quảng Bình	5.854.659.999	36.624.505.965	(40.478.912.930)	2.000.253.034
<b>Cộng</b>	<b>5.854.659.999</b>	<b>36.624.505.965</b>	<b>(40.478.912.930)</b>	<b>2.000.253.034</b>

**15. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Số đầu năm	Trích quỹ	Sử dụng quỹ	Số cuối năm
Dự phòng rủi ro trả thưởng	16.525.180.798	-	(9.561.872.494)	6.963.308.304
<b>Cộng</b>	<b>16.525.180.798</b>	<b>-</b>	<b>(9.561.872.494)</b>	<b>6.963.308.304</b>

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.719.753.019	1.247.217.254	128.960.000	(1.196.120.000)	1.899.810.273
Quỹ phúc lợi	20.724.001	200.000.000	-	-	220.724.001
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	499.372.105	339.250.000	33.970.000	(376.082.000)	496.510.105
<b>Cộng</b>	<b>2.239.849.125</b>	<b>1.786.467.254</b>	<b>162.930.000</b>	<b>(1.572.202.000)</b>	<b>2.617.044.379</b>

**17. Vốn chủ sở hữu**

**17a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	24.504.209.913	1.472.079.432	-	25.976.289.345
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	2.324.355.886	2.324.355.886
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	697.306.766	(697.306.766)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.306.549.120)	(1.306.549.120)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	-	-	(320.500.000)	(320.500.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>24.504.209.913</b>	<b>2.169.386.198</b>	<b>-</b>	<b>26.673.596.111</b>
Số dư đầu năm nay	<b>24.504.209.913</b>	<b>2.169.386.198</b>	<b>-</b>	<b>26.673.596.111</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	2.566.620.077	2.566.620.077
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	765.628.823	(765.628.823)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.447.217.254)	(1.447.217.254)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	-	-	(339.250.000)	(339.250.000)
Giảm khác (Tiền phạt thuế)	-	-	(14.524.000)	(14.524.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>24.504.209.913</b>	<b>2.935.015.021</b>	<b>-</b>	<b>27.439.224.934</b>

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**  
 Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Định, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**17b. Phân phối lợi nhuận**

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2017 và năm 2018 theo hướng dẫn của Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 và Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

Theo đó, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận đối với doanh nghiệp xếp hạng A như sau:

- Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp;
- Trích 1,5 tháng lương thực hiện cho quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp.
- Trích không quá 3 tháng lương thực hiện cho quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp;

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Doanh thu hoạt động xổ số</b>	<b>175.964.528.183</b>	152.526.120.909
Xổ số truyền thống	160.644.736.364	135.329.790.909
Xổ số Lô tô	3.727.177.271	3.539.013.636
Xổ số cào	6.272.847.272	6.704.812.726
Xổ số Bóc	5.319.767.276	6.952.503.638
<b>Doanh thu dịch vụ khác</b>	<b>2.526.129.760</b>	2.282.910.832
<b>Cộng</b>	<b>178.490.657.943</b>	<b>154.809.031.741</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Hàng bán bị trả lại	11.501.977	19.019.763
Thuế tiêu thụ đặc biệt của hoạt động kinh doanh xổ số	22.951.894.985	19.894.711.430
Xổ số truyền thống	20.953.661.264	17.651.711.858
Xổ số cào	818.197.470	874.540.792
Xổ số bóc	693.882.695	906.848.306
Xổ số lô tô	486.153.556	461.610.474
<b>Cộng</b>	<b>22.963.396.962</b>	<b>19.913.731.193</b>

**3. Chi phí kinh doanh**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Chi phí kinh doanh xổ số</b>		
Chi phí trả thưởng	88.730.292.806	70.804.998.146
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	35.752.542.237	31.549.538.155
<b>Cộng</b>	<b>124.482.835.043</b>	<b>102.354.536.301</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.385.690.953	1.238.130.680
<b>Cộng</b>	<b>1.385.690.953</b>	<b>1.238.130.680</b>

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**  
 Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Định, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Chi phí tài chính**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí lãi vay	38.972.775	30.162.910
<b>Cộng</b>	<b>38.972.775</b>	<b>30.162.910</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.651.093.250	1.409.010.400
<b>Cộng</b>	<b>1.651.093.250</b>	<b>1.409.010.400</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nhân viên quản lý	14.772.345.085	14.103.752.688
Chi phí vật liệu quản lý	677.106.264	546.542.198
Chi phí đồ dùng văn phòng	698.699.748	747.608.459
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.088.492.000	1.002.372.519
Thuế, phí và lệ phí	263.743.212	264.963.172
Chi phí dự phòng	-	4.854.636.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	273.664.221	269.754.969
Chi phí bằng tiền khác	11.998.022.653	8.189.291.508
<b>Cộng</b>	<b>29.772.073.183</b>	<b>29.978.922.015</b>

**8. Thu nhập khác**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu từ bán phế liệu	3.309.091	-
Các khoản thu nhập khác	2.233.357.322	544.875.255
<b>Cộng</b>	<b>2.236.666.413</b>	<b>544.875.255</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Chủ tịch và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tiền lương, thưởng và phụ cấp	2.827.628.155	2.417.153.766
<b>Cộng</b>	<b>2.827.628.155</b>	<b>2.417.153.766</b>

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT QUẢNG BÌNH**  
 Địa chỉ: Số 08B Hương Giang, phường Hải Định, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Bao bì Phong Nha	Công ty con

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với bên liên quan như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Công ty Cổ phần Bao bì Phong Nha		
Lãi vay phải thu	90.227.490	107.320.519
Thu gốc tiền vay	500.000.000	360.000.000
 <i>Thu nhập khác các khoản BHXT, BHYT của các cán bộ, công nhân viên</i>	 157.193.621	 118.463.543
 <i>Mua hàng</i>	 7.467.000	 288.400

Số dư với Công ty Cổ phần Bao bì Phong Nha được trình bày trong các mục trong các thuyết minh tại mục V.

**2. Số liệu so sánh**

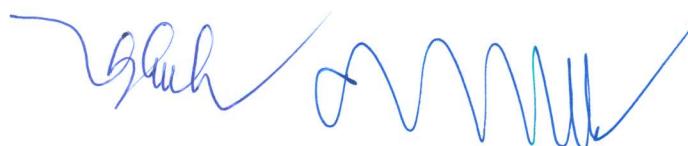
Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASCO.

Quảng Bình, ngày 02 tháng 3 năm 2019

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

  
Lê Phương Tiến

Lê Anh Tiên

  
Lê Trọng Huấn

